

Bản án số: 76/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 20/8/2020
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Đinh Minh Tăng

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2020/TLST - HNGĐ ngày 15/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Th H – sinh năm 1993

Trú tại: Thôn Đ Ph, xã Đ H, huyện T H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ Th H – sinh năm 1993

Trú tại: Thôn V H 1, xã H H, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 và bản tự khai ngày 03/7/2020 của nguyên đơn H Th H trình bày giữa chị và anh Đ Th H đã đăng ký kết hôn ngày 03/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện T H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người con. Sau

đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị H làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Đ H H A sinh ngày 17/3/2016, hiện nay cháu đang ở với chị H. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị H là được nuôi dưỡng cháu Đ H H A và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và các khoản vay chung: Không có.

Tại phiên hòa giải ngày 03/7/2020 và tại phiên tòa hôm nay anh Đ Th H trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn anh nhất trí như ý kiến trình bày của chị H. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mối quan hệ được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn. Giữa anh và chị H có 01 người con chung là cháu Đ H H A sinh ngày 17/3/2016. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh H là được nuôi dưỡng cháu Đ H H A và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1 tháng.

Tài sản chung: Gồm 01 chiếc xe máy và 01 tài khoản gửi tiết kiệm tại ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Anh H yêu cầu chia đôi số tài sản này nhưng nếu chị H không đồng ý về các tài sản chung này anh không yêu cầu tòa án xem xét về tài sản chung nữa..

Khoản vay chung: Không có.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị H và anh H một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị H Th H và anh Đ Th H đã đăng ký kết hôn ngày 03/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện T H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H Th H được ly hôn với anh Đ Th H.

[2] Về con chung: Chị H và anh H đều khai anh chị đều có thu nhập và đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận định hiện nay cháu A đang ở với chị H, cháu đang còn nhỏ ở với mẹ sẽ tốt hơn trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Xét thấy nguyện vọng của chị H là hợp lý nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao chị H Th H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ H H A sinh ngày 17/3/2016. Xử buộc anh Đ Th H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con một tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu Đ H H A tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Tại phiên tòa hôm nay anh H kê khai các tài sản chung nhưng chị H khai các tài sản trên không còn nên anh H không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Án phí: Chị H Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004242 ngày 15/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Đ Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 147 và Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H Th H được ly hôn với anh Đ Đ Th H.

2. Về con chung: Xử giao chị H Th H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ H H A sinh ngày 17/3/2016. Xử buộc anh Đ Th H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu Đ H H A tròn 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 9/2020. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004242 ngày

15/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Đ Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/8/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Đ H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

